

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 216/1998/QĐ-TTg ngày 07/11/1998 về khuyến khích đầu tư đối với hoạt động dầu khí tại các vùng nước sâu, xa bờ và khu vực có điều kiện địa lý, địa chất, kinh tế, kỹ thuật đặc biệt khó khăn.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Để khuyến khích đầu tư đối với các hoạt động dầu khí tại các vùng nước sâu, xa bờ và khu vực có điều kiện địa lý, địa chất, kinh tế, kỹ thuật đặc biệt khó khăn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Công văn số 3398-TC/TCĐN ngày 05/9/1998),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí được hưởng chính sách khuyến khích ưu đãi nếu có 1 trong 3 điều kiện dưới đây:

1. Hoạt động dầu khí tại vùng biển có độ sâu lớn hơn 200 mét nước.
2. Hoạt động dầu khí tại vùng biển xa bờ.
3. Hoạt động dầu khí tại khu vực có điều kiện địa lý, địa chất, kinh tế, kỹ thuật đặc biệt khó khăn.

Căn cứ vào quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam công bố các vùng nước sâu, xa bờ và khu vực có điều kiện địa lý, địa chất, kinh tế, kỹ thuật đặc biệt khó khăn khi chào thầu các lô tìm kiếm thăm dò dầu khí.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí trong các vùng theo quy định tại Điều 1 Quyết định này được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:

1. Được hưởng mức giảm thuế suất thuế lợi tức (thuế thu nhập doanh nghiệp) từ 50% xuống 32%.
2. Được hưởng thuế suất ưu đãi 5% thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
3. Không phải trả thuế xuất khẩu đối với phần dầu khí thuộc thuế tài nguyên của Nhà nước.

Điều 3. Căn cứ vào từng dự án cụ thể, các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí về việc miễn thu tiền hoa hồng chữ ký và lệ phí xem tài liệu.

Điều 4. Các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí về thời hạn và phương thức tạm dừng việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của hợp đồng trong trường hợp phát sinh những vấn đề không thể lường trước và không thể khắc phục. Thời hạn tạm dừng này không tính vào thời hạn hợp đồng dầu khí.

Nếu phát hiện mỏ khí thiên nhiên có giá trị thương mại nhưng chưa có thị trường tiêu thụ khí, Nhà thầu được giữ lại diện tích hợp đồng dầu khí trong một thời hạn do Chính phủ phê duyệt.

Các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận trong hợp đồng dầu khí về các điều kiện có liên quan đến việc tạm dừng hoặc giữ lại diện tích hợp đồng trên đây.

Điều 5. Theo đề nghị của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể điều chỉnh giới hạn các lô tìm kiếm thăm dò theo quy định tại mục 4 Điều 38 Luật Dầu khí đủ rộng để đáp ứng nhu cầu đối với một diện tích hợp đồng dầu khí.

Điều 6. Mức thu hồi chi phí đối với các hoạt động dầu khí trong các vùng theo quy định tại Điều 1 Quyết định này là 70% tổng sản lượng dầu khí thực khai thác được từ diện tích hợp đồng.

Điều 7. Sau khi đáp ứng nhu cầu sử dụng khí nội địa, hoặc xét thấy thị trường trong nước chưa đủ các điều kiện cho việc tiêu thụ khí, Chính phủ cho phép tổ chức, cá nhân tiến hành khai thác khí được xuất khẩu khí.

Điều 8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo đảm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động khai thác dầu khí được chuyển đổi tiền Việt Nam thu được do bán phần dầu khí của họ cho thị trường nội địa ra tiền nước ngoài.

Điều 9. Trong trường hợp gặp sự cố nghiêm trọng, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí được tạm miễn tiến hành các thủ tục hải quan thông thường đối với người và phương tiện, vật tư, thiết bị ứng cứu sự cố.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 38/1998/CT-TTg ngày 11/11/1998 về việc triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, ngày 08 tháng 9 năm 1998, Chính phủ đã ra Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Để triển khai thực hiện Nghị định, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình tổ chức triển khai Quy chế. Trước hết, cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan liên quan. Thủ trưởng, cán bộ, công chức ở mỗi cơ quan hành chính nhà nước đều phải nắm vững nội dung Quy chế, nhận thức rõ mục đích của việc thực hiện Quy chế và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Quy chế.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện phải xây dựng kế hoạch triển khai Quy chế. Kế hoạch triển khai phải cụ thể, định rõ thời gian và trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện Quy chế. Vụ Tổ chức - Cán bộ ở các Bộ, ngành, Ban Tổ chức chính quyền cấp tỉnh là cơ quan giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức thực hiện Quy chế.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên cơ sở Quy chế này, sau khi thỏa thuận với Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm ban hành và hướng dẫn triển khai Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan sự nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

4. Bộ Tài chính chuẩn bị trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công khai tài chính và chịu trách nhiệm hướng dẫn các quy định về công khai tài chính.

5. Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn việc đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức; phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan.

6. Tổng Thanh tra Nhà nước phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn việc kiện